TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 140/2022/HC-PT
Ngày 19/5/2022
Về *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự, ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 57/2022/TLPT-HC ngày 01/4/2022 về*"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1495/2022/QĐ-PT ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Người khởi kiện: bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974.

Địa chỉ: nhà số 108/30 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2021 của nguyên đơn là ông Đỗ Anh T (sinh năm 1985; địa chỉ: Tp. B, tỉnh Đắk Lắk), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Võ Văn C (Phó chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk) có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Đắk Lắk gồm:

+ Ông Trần Văn S (Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

+ Ông Nguyễn Anh T (Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính, thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố B là ông Lê Đại Thắng (Phó Chủ tịch), vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND thành phố B là ông Phạm Văn T (Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; địa chỉ: 108/30 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 12/7/2021 của ông T là ông Đỗ Anh T (ông T đồng thời là đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2021, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/10/2021 và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị M trình bày:* Ngày 05/03/2002, vợ chồng bà M lập văn bản (không có công chứng, chứng thực) nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn V, bà Nguyễn Thị L 165m^2 đất là một phần diện tích đất vợ chồng ông Nguyễn V được UBND thành phố B cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* ngày 09/10/2005 và sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng bà M làm nhà sinh sống trên đất. Ngày 21/6/2016, UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi diện tích đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn V để làm đường; trong đó có diện tích 165m^2 đất có nhà của vợ chồng bà M.

Sau khi thu hồi đất, gia đình bà M không còn chỗ ở nên ngày 12, 13 tháng 10 năm 2016 Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B cho bà M bốc thăm chọn lô để giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không qua bán đấu giá và bà M đã bốc trúng lô 2-30, khu N7-7.24, phường T, thành phố B; tuy nhiên, đến ngày 18/10/2019 UBND thành phố B mới ban hành Quyết định số 7741/QĐ-UBND giao đất tái định cư cho hộ bà Nguyễn Thị M. Do UBND thành phố B ban hành quyết định giao đất tái đinh cư chậm nên ngày 02/12/2019 UBND tỉnh Đắk Lắk mới ban hành Quyết định 3606/QĐ-UBND phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền sử dụng đất để giao đất tái định cư, xác định bà M phải nộp tiền sử dụng đất tái định cư giá 9.000.000đồng/m^2 là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà M vì lẽ ra, UBND tỉnh Đắk Lắk phải duyệt giá đất ở để tính thu tiền sử dụng đất ở thời điểm thu hồi đất năm 2016 là 4.300.000 đồng/m^2 mới đúng. Không đồng ý với Quyết định 3606/QĐ-UBND, bà M khiếu nại, nhưng ngày 08/6/2021, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Công văn số 2298/UBND-TNMT trả lời không chấp nhận khiếu nại của bà M.

Nay, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: + Hủy một phần Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk và buộc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành lại Quyết định phê duyệt giá đất ở tính thu tiền sử dụng đất tại thời điểm năm 2016 là 4.300.000 đồng/m^2 đối với lô D002-30, Khu N7.5-7.24 tái định cư cho bà M; + Hủy Công văn số 2298/UBND-TNMT ngày 08/6/2021 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc trả lời đơn khiếu nại của bà M.

- *Người bị kiện là UBND tỉnh ĐắkLắk trình bày:* Trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 3606/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phê duyệt tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3606/QĐ-UBND áp dụng để tính tiền sử dụng đất khi giao đất đối với thửa

đất số D002-30, diện tích 110 m^2 tại Khu tái định cư N7.5 - N7.24, phường T, TP B với giá đất 9.000.000 đồng/m^2 là đúng quy định tại khoản 3, Điều 108 Luật Đất đai năm 2013 vì thời điểm tính để thu tiền sử dụng đất là thời điểm Nhà nước quyết định giao đất. Vì vậy, việc bà M yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 3606/QĐ-UBND để phê duyệt giá đất giống với giá đất được phê duyệt tại Quyết định số 780/QĐ-UBND là 4.300.000 đồng/m^2 là không có cơ sở nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà M.

- *Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:* Quyết định số 3606/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk đã đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục thực hiện xác định giá đất; do đó, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà M.

- Tại bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 22/02/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194, Điều 204 và Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 69, Điều 79, Điều 85 Luật đất đai 2013; Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, hủy các Quyết định gồm:

- Hủy một phần Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với giá đất áp dụng để tính tiền sử dụng đất khi giao đất của thửa đất số D002-30, diện tích 110 m^2 tại Khu tái định cư N7.5 - N7.24, phường T, thành phố B với giá đất 9.000.000 đồng/m^2. Để Uỷ ban nhân dân thành phố B, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk áp dụng, ban hành lại giá đất tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị M theo giá đất tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất, mà pháp luật quy định.

- Hủy Công văn số 2298/UBND-TNMT ngày 08/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm nên được nhận lại số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2021/0007333 ngày 02/7/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Ngày 11/3/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng cáo

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện và người bị kiện đều vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích cho Người bị kiện đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật nên đề nghị bác kháng cáo của Người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 21/6/2016, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 5532/QĐ-UBND thu hồi 1.296.2m^2 đất mà vợ chồng ông Nguyễn V, bà Nguyễn Thị L đã được UBND thành phố B cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* ngày 09/10/2005. Trong diện tích 1.296.2m^2 đất UBND thành phố B thu hồi đứng tên vợ chồng ông Nguyễn V, có diện tích 155,4m^2 đất (hồ sơ kỹ thuật thu hồi đất ghi là thửa số 81-4, tờ bản đồ 60-20), vợ chồng bà M nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn V năm 2002, nhưng không chỉnh lý, sang tên và ngay sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng bà M đã làm nhà sinh sống trên đất. Căn cứ Biên bản xác minh ngày 29/3/2016 (bút lục 247) xác định hộ bà M có hộ khẩu thường trú tại vị trí đất bị thu hồi, ngoài đất và nhà đang ở bị thu hồi hộ bà M không còn nhà ở, đất nào khác trên địa bàn phường T, thành phố B nên ngày 13/10/2016 sau khi bà M bốc thăm chọn lô thì Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B và bà M thống nhất giao cho hộ bà M lô đất tái định cư số 2-30, Khu dân cư N7.5-N7.24 phường T, thành phố B.

[2] Ngày 13/4/2017, Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất ban hành Công văn đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cung cấp thông tin về điều kiện nhà ở và đất ở của bà M. Ngày 29/8/2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP B phúc đáp hộ bà M còn đứng tên sử dụng thửa đất 413A, tờ bản đồ số 10, diện tích 530m^2, trong đó có 80m^2 đất ở tại *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số BB797197 ngày 02/11/2010 tại xã H, thành phố B nên Trung tâm phát triển quỹ đất dừng việc giao đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà M. Sau đó, qua kiểm tra, xác minh cơ quan chức năng thành phố B thống nhất xác định khi bị thu hồi đất, hộ bà M không có nhà đất ở nơi khác nên đồng ý giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà M và ngày 18/10/2019, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7741/QĐ-UBND giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà M. Ngày 02/12/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 3606/QĐ-UBND kèm Phụ lục áp dụng để tính tiền sử dụng đất khi giao thửa đất tái đinh cư số D002-30, diện tích 110m^2 Khu tái định cư N7.5 - N7.24, phường T cho hộ bà M với giá 9.000.000 đồng/m^2.

[3] Luật Đất đai năm 2013 quy định: ***Điều 69. Trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng:*** *...3. Việc quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quy định như sau: a) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một*

ngày. ***Điều 79. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở:*** *...2. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.* ***Điều 85. Lập và thực hiện dự án tái định cư:*** *1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức lập và thực hiện dự án tái định cư trước khi thu hồi đất"*. Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định: *"1. Sau khi được giao lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường cùng các phòng, ban có liên quan của UBND cấp huyện và UBND cấp xã nơi có đất thu hồi tiến hành tổ chức điều tra, khảo sát giá đất phổ biến trên thị trường làm căn cứ đề xuất hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất (gọi tắt là Nghị định số 44/2014/NĐ-CP) cùng với giá thu tiền sử dụng đất để giao đất tái định cư. Căn cứ đề xuất của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, UBND cấp huyện có Tờ trình đề nghị UBND tỉnh ban hành quyết định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường về đất và giá giao đất tái định cư cho người bị thu hồi đất"*. Như vậy, theo các quy định nêu trên của pháp luật thì trước khi thu hồi đất UBND thành phố B phải xây dựng hoàn chỉnh phương án thu hồi, bồi thường, xác định đúng đối tượng được giao đất tái định cư và giá đất tái định cư; để đảm bảo việc ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày (Điều 69 Luật đất đai năm 2013). Do đó, việc từ năm 2016 UBND thành phố B đã ban hành Quyết định thu hồi đất và tính giá đền bù thời điểm thu hồi đất năm 2016, nhưng đến ngày 18/10/2019 (sau 03 năm) UBND thành phố B mới ban hành Quyết định số 7741/QĐ-UBND giao đất tái định cư; tiếp đó ngày 02/12/2019 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 3606/QĐ-UBND tính giá đất tái định cư để thu tiền sử dụng đất tại thời điểm năm 2019 (lẽ ra phải xác định giá đất tái định cư để thu tiền sử dụng đất cùng thời điểm tính giá đền bù khi thu hồi đất năm 2016) là không đúng quy định của pháp luật và ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của hộ bà M (vì giá đất tính để thu tiền sử dụng đất thời điểm năm 2019 cao hơn giá đất tính để thu tiền sử dụng đất thời điểm thu hồi, đền bù năm 2016). Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M hủy một phần Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk để xác định lại giá đất tính để thu tiền sử dụng đất tại thời điểm thu hồi, đền bù năm 2016, đồng thời hủy Công văn số 2298/UBND-TNMT ngày 08/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về giải quyết khiếu nại của bà M là có cơ sở, đúng pháp luật nên bác kháng cáo của UBND tỉnh Đắk Lắk, UBND tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính phúc thẩm

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người bị kiện cho rằng ngày 18/10/2019 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 7741/QĐ-UBND giao đất tái định cư, mà theo quy định tại

Khoản 3 Điều 108 Luật Đất đai năm 2013 thì giá đất để tính thu tiền sử dụng đất phải được tính tại thời điểm giao đất tái định cư năm 2019; do đó,
ngày 02/12/2019 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 3606/QĐ-UBND xác định giá đất tính để thu tiền sử dụng đất tái định cư giao cho hộ bà M tại thời điểm giao đất năm 2019 là đúng pháp luật; hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm hủy một phần Quyết định số 3606/QĐ-UBND nhưng không hủy Quyết định giao đất số 7741/QĐ-UBND sẽ dẫn đến UBND tỉnh Đắk Lắk lúng túng khi xác định lại giá đất tính để thu tiền sử dụng đất theo đúng quy định của Khoản 3 Điều 108 Luật Đất đai năm 2013 là phải tính tại thời điểm giao đất năm 2019. Thắc mắc này, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: [4.1] Như đã phân tích tại các mục nêu trên thì năm 2016 UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất của hộ bà M, nhưng đến ngày 18/10/2019 mới ban hành Quyết định số 7741/QĐ-UBND giao đất tái định cư cho hộ bà M là không đúng quy định của pháp luật (giao đất tái định cư chậm) nên lẽ ra phải hủy Quyết định giao đất tái định cư số 7741/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 để UBND thành phố B ban hành lại Quyết định giao đất tái định cư cùng thời điểm thu hồi đất năm 2016 mới đúng pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay đã là năm 2022 nên nếu Tòa án hủy Quyết định số 7741/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 thì Ủy ban nhân dân thành phố B cũng không thể ban hành Quyết định giao đất quay ngược thời gian lại năm 2016, do đó, không cần thiết hủy Quyết định số 7741/QĐ-UBND mà vấn đề quan trọng có tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này đúng quy định của pháp luật và bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của hộ bà M là UBND tỉnh Đắk Lăk phải ban hành lại Quyết định xác định giá đất để tính thu tiền sử dụng lô đất tái định cư giao cho hộ bà M tại thời điểm thu hồi đất năm 2016 mới đúng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194, Điều 204 và Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 69, Điều 79, Điều 85 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M:

1.1. Hủy một phần Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 02/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với giá đất áp dụng để tính tiền sử dụng đất khi giao lô đất tái định cư số D002-30 diện tích 110m^2, Khu tái định cư N7.5 - N7.24, phường T, thành phố B cho hộ bà M với giá 9.000.000 đồng/m^2 và buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phải ban hành lại Quyết định xác định giá đất để tính tiền sử dụng đất khi giao lô đất tái định cư nêu trên cho hộ bà Nguyễn Thị M theo giá

tại thời điểm thu hồi đất năm 2016 đúng theo quy định của pháp luật, để UBND thành phố B làm căn cứ thực hiện.

1.2. Hủy Công văn số 2298/UBND-TNMT ngày 08/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm nên được hòa trả 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2021/0007333 ngày 02/7/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu số 0018971 ngày 24/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk thì UBND tỉnh Đắk Lắk đã thi hành xong khoản tiền này.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân